**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019**

~~- -~~

*Luật Đầu tư công được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2019 (sau đây gọi chung là Luật Đầu tư công năm 2019); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 03/2019/L-CTN ngày 27 tháng 6 năm 2019; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13.*

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019[[1]](#footnote-1)**

Luật Đầu tư công được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014 tại kỳ họp thứ 7 (gọi chung là Luật Đầu tư công năm 2014) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Đây là luật đầu tiên kể từ trước đến nay quy định những vấn đề liên quan đến quản lý các hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Việc Quốc hội thông qua Luật Đầu tư công năm 2014 đã tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ để quản lý toàn bộ quá trình đầu tư công, từ chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công.

Luật Đầu tư công năm 2014 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý hoạt động đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; chống thất thoát, lãng phí; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công. Đồng thời, Luật Đầu tư công năm 2014 đã thể hiện và cụ thể hóa được chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư công, đã tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ để quản lý toàn bộ quá trình đầu tư công.

Triển khai thực hiện Luật Đầu tư công năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cơ sở nhận thức rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình; quán triệt các yêu cầu tăng cường quản lý đầu tư phát triển trong toàn bộ quá trình đầu tư công, từ chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công, lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công. Đồng thời, với những quy định pháp lý rõ ràng, cụ thể của Luật Đầu tư công năm 2014 là một bước tiến lớn bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực của Nhà nước, góp phần và tạo điều kiện để đẩy mạnh công cuộc phòng chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Sau hơn 3 năm thực hiện Luật Đầu tư công năm 2014, tuy đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng trong quá trình triển khai thực hiện Luật Đầu tư công năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc chủ yếu sau:

*(1) Khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.* Do lần đầu tiên xây dựng, ban hành và thực hiện Luật Đầu tư công năm 2014 nên không tránh khỏi những hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn. Việc hình thành nhiều quy trình mới, thủ tục phức tạp, dẫn tới các cơ quan, địa phương thực hiện khó nắm vững và thực hiện thống nhất các quy định của Luật, nhiều cơ quan, địa phương vẫn còn lúng túng, triển khai thực hiện một số quy định còn chưa phù hợp, một số nội dung không đúng với các quy định của pháp luật, trái thẩm quyền, mất nhiều thời gian để hoàn thiện thủ tục do hồ sơ dự án phải thông qua nhiều cấp nhiều cơ quan từ trung ương đến địa phương, thủ tục hành chính phức tạp, phân cấp trách nhiệm chưa triệt để...

*(2) Một số quy định trong Luật Đầu tư công năm 2014 quá cứng nhắc, hoặc chưa đầy đủ* nên dẫn tới tình trạng các quy định đã không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, điển hình là trong công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, bố trí vốn không phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định, tồn tại nhiều bất cập trong điều chỉnh dự án, điều chỉnh kế hoạch, giao vốn nhiều lần và kéo dài thời gian giao vốn; khó theo dõi, đánh giá, kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án.

*(3) Tồn tại một số điểm chưa thống nhất giữa Luật Đầu tư công năm 2014 với các luật khác* như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Quy hoạch... Điều này đã gây sự lúng túng trong việc áp dụng các quy định pháp luật, ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng công tác chuẩn bị dự án, xây dựng dự án. Trong một số trường hợp, dự án chuẩn bị đầu tư và phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án, quyết định đầu tư dự án mang tính hình thức để có điều kiện được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội Khóa XIV về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 trong đó nhấn mạnh việc cơ cấu lại đầu tư công trên cơ sở *“Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn gắn với kế hoạch tài chính 5 năm 2016-2020 và kế hoạch vay, trả nợ công. Hoàn thiện thể chế quản lý đầu tư công theo thông lệ quốc tế, trong đó ưu tiên đổi mới cách thức thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư. Thực hiện cơ cấu lại đầu tư công gắn với cơ cấu lại tài chính công, cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công”*, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả vốn đầu tư công và tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, tăng cường phân cấp, phân nhiệm, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đặc biệt là phục vụ quá trình cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đầu tư công năm 2014 là cần thiết.

**II. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật Đầu tư công năm 2019 gồm 06 chương, 101 điều, cụ thể:

**Chương I. Những quy định chung**,gồm 15 điều, (*từ Điều 1 đến Điều 15*) quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; áp dụng Luật Đầu tư công, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; giải thích từ ngữ; đối tượng đầu tư công; phân loại dự án đầu tư công; tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia; tiêu chí phân loại dự án nhóm A; tiêu chí phân loại dự án nhóm B;iêu chí phân loại dự án nhóm C; điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công; nguyên tắc quản lý đầu tư công; nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công; công khai, minh bạch trong đầu tư công; các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công.

**Chương II. Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công,** gồm 2 mục 29 điều (*từ Điều 17 đến Điều 45*).

***Mục 1*** quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do Bộ, cơ quan trung ương quản lý; trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công; nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A; nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C; hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư.

***Mục 2*** quy định về Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án; Căn cứ lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án; Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia; Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư; Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp; Điều chỉnh chương trình, dự án; Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án.

**Chương III. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công**, gồm 2 mục 18 điều (*từ Điều 46 đến Điều 63*).

***Mục 1*** quy định về Phân loại kế hoạch đầu tư công; Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án; Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm; Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Trình tư lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn; Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm.

***Mục 2*** quy định về Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước; Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án, dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương; Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước; Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước; Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương; Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương.

**Chương IV. Thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra, giám sát kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công**, gồm 2 mục 13 điều (*từ Điều 64 đến Điều 77*).

***Mục 1*** quy định về Tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công; Chấp hành kế hoạch đầu tư công; Triển khai kế hoạch đầu tư công; Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

***Mục 2*** quy định về Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công; Đánh giá kế hoạch đầu tư công; Theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án; Đánh giá chương trình, dự án; Nội dung đánh giá chương trình, dự án; Giám sát đầu tư của cộng đồng; Trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng; Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án; Thanh tra đầu tư công.

**Chương V. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công**, gồm 20 điều (*từ Điều 78 đến Điều 98*), quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính; Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan trung ương; Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước; Nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất chủ trương đầu tư; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư; Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư liên quan đến lập chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quyết định đầu tư chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến tư vấn thiết kế chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thẩm định kế hoạch, chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư trong quản lý, thực hiện chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý chương trình, dự án; Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo dõi, đánh giá và kiểm tra kế hoạch, chương trình, dự án; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công; Xử lý vi phạm.

**Chương VI. Điều khoản thi hành**, gồm 03 điều (*từ Điều 98 đến Điều 101*), quy định về Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

**III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019**

**1. Về phạm vi điều chỉnh**

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công.

**2. Đối tượng áp dụng**

Luật Đầu tư công năm 2019 áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

**3. Vốn đầu tư công**

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về *vốn đầu tư công* tại khoản 22 Điều 4, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

Theo đó, định nghĩa về *vốn đầu tư công* đã được thu hẹp hơn, không còn phân biệt giữa các loại nguồn vốn của ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, công trái quốc gia, tín dụng đầu tư. Đây là một thay đổi nhằm đảm bảo thống nhất với Luật Ngân sách nhà nước, mang ý nghĩa rất quan trọng, dẫn tới thay đổi các quy trình, trình tự, thủ tục về dự án và kế hoạch đầu tư công, giúp đơn giản hóa quy trình, không còn phân biệt giữa các loại nguồn vốn của ngân sách nhà nước như trước đây (ví dụ như có sự phân biệt giữa ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, công trái quốc gia, tín dụng đầu tư...).

Đồng thời, sự thay đổi này giúp xây dựng được quy trình riêng cho các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật theo hướng tăng cường phân cấp, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có nguồn vốn này nhưng vẫn đảm bảo được công tác theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo.

**4.** **Đối tượng đầu tư công**

Luật Đầu tư công năm 2019 đã bổ sung 01 điều quy định về đối tượng đầu tư công, theo đó có 6 đối tượng đầu tư công, bao gồm:

*Một là,* đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.

*Hai là,* đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

*Ba là,* đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.

*Bốn là,* đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

*Năm là,* đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

*Sáu là,* cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Luật giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với các đối tượng đầu tư công.

**5. Phân loại dự án đầu tư công**

- Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại thành: (1) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án; (2) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không nêu tại mục (1).

- Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C.

**5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công**

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định 11 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công, gồm:

(1) Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

(2) Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng vốn đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

(3) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

(4) Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn, nhà thầu dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân và của cộng đồng.

(5) Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

(6) Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

(7) Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

(8) Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu, liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

(9) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.

(10) Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

(11) Cản trở việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công.

**6. Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án**

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là một nội dung trong thẩm định chủ trương đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sau đây: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia; (2) Dự án quan trọng quốc gia; (3) Chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; (4) Chương trình, dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cơ quan mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ thông báo cho giai đoạn sau và tổng mức vốn đầu tư công trung hạn được Quốc hội quyết định cho Bộ, cơ quan trung ương trong giai đoạn trung hạn đang thực hiện, trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền thông báo cho giai đoạn sau, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cho địa phương và số vượt thu thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) dành cho đầu tư phát triển, trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Việc phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, vừa bảo đảm thẩm quyền của các cơ quan Quốc hội, hội đồng nhân dân, vừa tăng tính chủ động, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, xử lý được những tình huống phức tạp như dự án sử dụng nhiều nguồn vốn thuộc các cấp ngân sách khác nhau. Với sửa đổi này, hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A của địa phương sử dụng bất kỳ loại nguồn vốn nào (bao gồm cả hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương), phân cấp mạnh hơn trước đây là địa phương phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm A.

**7.** **Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (Điều 68)**

Luật Đầu tư công năm 2019 quy định vềthời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm như sau:

*“1. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 01 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.*

*2. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau.*

*3. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại chưa được dự toán hoặc vượt dự toán được giao, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất”.*

Theo đó, Luật Đầu tư công năm 2019 đã sửa đổi về thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm so với Luật hiện hành. Trước đây thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trướclà đến hết ngày 31 tháng 12, này đến hết ngày 31 tháng 01 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau *(trước đây chỉ quy định chung chung là đến năm sau)*, trong trường hợp bất khả kháng, thời gian này có thể sẽ được kéo dài đến ngày 31 tháng 12 năm sau.

**8. Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư (Điều 89)**

Theo đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đứng đầu tổ chức quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp phải bảo đảm tổng số giá trị tổng mức đầu tư của các chương trình, dự án phải thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đó.

**9. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công (Điều 97)**

Để nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công, Luật Đầu tư công năm 2019 bổ sung quy định về Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. Theo đó, Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

**10. Quy định chuyển tiếp**

Đối với chương trình, dự án đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 thì việc điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

Đối với chương trình, dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 mà chưa có trong kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

Chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định trước ngày Luật Đầu tư công năm 2019 có hiệu lực thì tiếp tục thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Chỉ bố trí vốn kế hoạch đầu tư công để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và năm 2020, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phép thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành./.

1. Tờ trình của Chính phủ về Dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi). [↑](#footnote-ref-1)